

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 14-12-2021.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 11, Khu 4, Ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký thường trú: Xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, Khu 4, Ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam vào năm 2007. Quá trình chung sống, thời gian đầu chị và anh T sống hạnh phúc đến khoảng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn về mặt tình cảm nguyên nhân là do quán điểm sống không phù hợp nhiều mặt nên thường xuyên cãi vã, xung đột, anh T không còn tôn trọng chị và hai bên không còn tiếng nói chung. Chị và anh T đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện nay, chị và anh T vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm,

chăm sóc ai. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và gây ảnh hưởng đến hai con nên chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Văn Minh Đ, sinh ngày 01/7/2008 và Trần Nguyễn Diệu A, sinh ngày 17/9/2012 đang do chị và anh T cùng nuôi dưỡng. Hiện chị có công việc và thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng, chị đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Trước đây, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng, nay chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, để anh T tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền, lợi ích; Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn không đến làm việc là cố ý bỏ mặc hôn nhân nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Trần Văn Minh Đ, sinh ngày 01/7/2008 và Trần Nguyễn Diệu A, sinh ngày 17/9/2012 hiện đang do chị N và anh T nuôi dưỡng, chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị có công việc và thu nhập ổn định, cháu Đức và cháu Anh trình bày có nguyện vọng sống với mẹ, anh T không có lời trình bày. Căn cứ Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị giao 02 con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử sơ

thẩm nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 ngày 19/11/2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị N trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn về mặt tình cảm do quan điểm sống không còn phù hợp nhiều mặt nên thường xuyên cãi vã, xung đột, anh T không còn tôn trọng chị và hai bên không còn tiếng nói chung. Chị N và anh T đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, tuy vẫn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau nên chị N yêu cầu ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị N và anh T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến nhằm hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt, không cung cấp lời khai cho Tòa án chứng tỏ anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh T, xử cho chị N ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Trần Văn Minh Đ, sinh ngày 01/7/2008 và Trần Nguyễn Diệu A, sinh ngày 17/9/2012.

Xét thấy, cháu Đức và cháu Diệu Anh hiện đang sống chung với chị N và anh T. Chị N có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn, Tòa án đã triệu tập án Thắng đến để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu nuôi con nhưng anh T không có mặt, không cung cấp ý kiến chứng tỏ anh T không có trách nhiệm với con, không thiết tha nuôi dưỡng con. Mặt khác, cả hai cháu đều có nguyện vọng sống chung với chị N do chị N chăm sóc tốt. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu Đức và cháu Diệu Anh cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng tuy nhiên tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/10/2021 chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T đối với việc cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N trình bày chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có nợ chung của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Văn T, do đó chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Trần Văn T về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T có 02 con chung tên Trần Văn Minh Đ, sinh ngày 01/7/2008 và Trần Nguyễn Diệu A, sinh ngày 17/9/2012.

Xử giao cháu Trần Văn Minh Đ, sinh ngày 01/7/2008 và cháu Trần Nguyễn Diệu A, sinh ngày 17/9/2012 cho chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị N và anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005189 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị N đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Đức Chung

Lý Thị Bạch Tuyết

Đào Minh Hoàng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã Đồng Du;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng

